

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH GIA LAI

Số: 276 /ĐĐBQH-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 10 tháng 5 năm 2018

Kính gửi:

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI	
Số: 2145	
ĐẾN Ngày: 15/5/2018	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

- Thường trực Tỉnh ủy Gia Lai;
- Thường trực UBNDTTQ Việt Nam tỉnh Gia Lai;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Các sở: Nội vụ; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động – Thương binh và Xã hội; Tòa án nhân dân tỉnh; Ban Dân tộc;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;

Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai tổng hợp các ý kiến, kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, chỉ đạo.

Đến nay, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nhận công văn của các bộ, ngành trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, cụ thể:

- Công văn số 696/BNV-TL ngày 23/2/2018; Công văn số 933/BNV-CCVC ngày 09/3/2018 của Bộ Nội vụ;

- Công văn số 1960/BGTVT-KHĐT ngày 28/2/2018; Công văn số 1992/BGTVT-CQLXH ngày 28/2/2018; Công văn số 2610/BGTVT-CQLXH ngày 15/3/2018 của Bộ Giao thông vận tải;

- Công văn số 166/BNN-KH ngày 28/2/2018; Công văn số 1709/BNN-CBTTNS ngày 28/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Công văn số 820/LĐTBXH-BHXXH ngày 07/3/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Công văn số 51/TANDTC-PC ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Công văn số 259/UBNDT-CSDT ngày 22/3/2018 của Ủy ban Dân tộc;

(Kèm theo bản sao 10 công văn)

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai thông báo để Quý cơ quan nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và phổ biến cho cử tri biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các vị ĐBQH khóa XIV tỉnh Gia Lai;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn
- Lưu: VT.



TL. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Mạnh Định

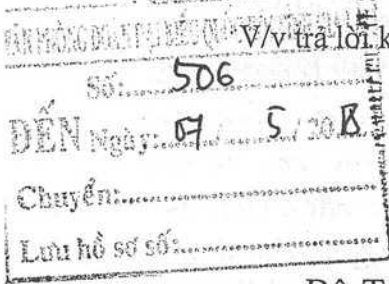
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 900 /BTNMT-PC

V/v trả lời kiến nghị của cử tri

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018



Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được ý kiến của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 707/BDN ngày 23/11/2017. Bộ Tài nguyên và Môi trường xin gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai nội dung trả lời về các ý kiến của cử tri tỉnh Gia Lai như sau:

1. Theo quy định của Luật đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC quy định Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố được chuyển về Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý. Tuy nhiên, từ khi đi vào hoạt động có nhiều bất cập, việc giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quá chậm, hồ sơ tồn đọng nhiều gây bức xúc cho nhân dân. Đề nghị chuyển Văn phòng Đăng ký đất đai về UBND cấp huyện trực tiếp quản lý để thuận tiện cho người dân trong việc đăng ký quyền sử dụng đất cũng như giao dịch liên quan đến đất tránh gây bức xúc cho người dân

Vấn đề cử tri nêu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Hiện nay, cả nước có 54/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo pháp luật đất đai năm 2013 và đi vào hoạt động dần ổn định, hiệu quả. Việc thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai đã thể hiện rõ hơn tính chuyên nghiệp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận với bộ máy tổ chức được sắp xếp theo các nhóm chuyên môn và theo từng vị trí công việc chuyên sâu; quy trình giải quyết công việc đã được thực hiện thống nhất, nhiều nơi đã được thực hiện gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai đã xây dựng; hoạt động đăng ký đất đai đã có sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất, bảo đảm việc triển khai thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận của địa phương theo đúng kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm theo nhiệm vụ chính trị của địa phương; đội ngũ cán bộ trong hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai đã được điều động, sử dụng linh hoạt giữa các địa bàn để hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn cán bộ hiện có.

Việc thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận được thực hiện ngày càng thuận lợi hơn với người dân do cơ quan đăng ký được tổ chức lại ngày càng chuyên nghiệp; việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được đẩy mạnh đã tạo nhiều cơ hội hơn cho người dân được lựa chọn nơi đăng ký, tạo sự cạnh tranh giữa các cơ quan đăng ký, góp phần giảm bớt tình trạng nhũng nhiễu trong giải

quyết thủ tục hiện nay. Số bộ hồ sơ lưu đã giảm (trước đây 03 bộ hồ sơ thì hiện nay là 01 bộ hồ sơ) do các địa phương đã thực hiện thủ tục liên thông đăng ký đất đai với cơ quan thuế; loại bỏ một số loại giấy tờ phải nộp trong thành phần các loại hồ sơ; việc cung cấp thông tin, luân chuyển hồ sơ giữa Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế và kho bạc trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không yêu cầu nhà đầu tư phải nộp trích lục bản đồ địa chính...Chất lượng thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận được nâng cao, bảo đảm sự thống nhất trong toàn tỉnh, thành phố do Văn phòng đăng ký đất đai đã thường xuyên kiểm tra, quản lý, hướng dẫn các Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ, thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận được bảo đảm đúng quy định; thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận giảm thời gian thực hiện từ 05 - 25 ngày so với trước đây.

Các Văn phòng đăng ký đất đai đã có điều kiện hơn về lực lượng chuyên môn, chủ động hơn về thẩm quyền và đã quan tâm, chăm lo nhiều hơn cho việc xây dựng, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính của địa phương, nhất là việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; đồng thời tăng cường kiểm tra, chỉ đạo việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính ở các cấp huyện, xã để bảo đảm sự thống nhất của hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đề nghị xem xét, không quy định hạn mức giao đất, hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp quy định tại Điều 129, Điều 130 Luật đất đai năm 2013, nhằm tạo điều kiện cho người sử dụng đất thực hiện tích tụ đất đai sản xuất nông nghiệp nói chung, nông nghiệp công nghệ cao nói riêng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Vấn đề cử tri nêu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Chủ trương “mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, từng giai đoạn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, từng bước hình thành những vùng sản xuất hàng hoá lớn trong nông nghiệp” đã được khẳng định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thê chế hóa quan điểm, định hướng chỉ đạo của Nghị quyết, Luật đất đai năm 2013 đã quy định theo hướng mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân gấp mười lần hạn mức giao đất. Theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành thì mỗi hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng, tặng cho không quá 20 - 30 ha đất trồng cây hàng năm tùy theo khu vực, không quá 100 - 300 ha đất trồng cây lâu năm tùy theo xã, phường, thị trấn ở đồng bằng hay ở trung du, miền núi; không quá 300 ha đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất. Thực tế, số lượng hộ nông dân có nhu cầu tích tụ diện tích

đất vượt quá hạn mức nhận chuyển quyền theo quy định của Luật đất đai là không nhiều. Bên cạnh đó, đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê đất, nhận góp vốn bằng đất nông nghiệp thì Luật đất đai không quy định khống chế về hạn mức sử dụng. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung thì được tiếp cận đất đai thông qua hình thức Nhà nước thu hồi để cho thuê theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai; trường hợp thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp khác thì chủ đầu tư được quyền tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 của Luật đất đai. Nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp được luận chứng trên cơ sở dự án đầu tư và pháp luật đất đai không quy định hạn mức. Mặt khác, đến nay quỹ đất nông nghiệp đã giao hết cho các chủ sử dụng.

3. Hiện nay nhiều xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai có diện tích đất vẫn nằm trong đất lâm nghiệp trước đây và dân cư địa bàn lấn chiếm đất lâm nghiệp sản xuất, canh tác nhiều năm. Nhằm quản lý, sử dụng đất hiệu quả, đúng mục đích, sát với tình hình thực tế; đề nghị Chính phủ sớm phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

Vấn đề cử tri nêu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Để quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích và sát với thực tế đối với diện tích đất nằm trong đất lâm nghiệp trước đây và dân cư địa bàn lấn chiếm đất lâm nghiệp sản xuất, canh tác nhiều năm thì Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát ranh giới, diện tích, nguồn gốc, mục đích sử dụng đất để đưa vào điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại Điều 52 Luật đất đai.

Việc đề nghị Chính phủ sớm phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Gia Lai, ngày 30/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có Tờ trình số 3382/TTr-UBND trình Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Gia Lai; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 92/TTr-BTNMT ngày 16/11/2017 trình Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Gia Lai. Ngày 06/12/2017, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 13025/VPCP-NN gửi các Thành viên Chính phủ để lấy ý kiến về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Gia Lai trước khi trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Việc phê duyệt rà soát điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng, ngày 20/6/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có Tờ trình số 2245/TTr-UBND gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị thẩm định kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm

2030; ngày 30/8/2017, Tổng cục Lâm nghiệp có Công văn số 1371/TCLN-KHTC về việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đang chỉnh sửa hoàn thiện theo ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt theo quy định.

Hiện nay, Ban Chấp hành Trung ương đang sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Những bất cập, khó khăn trong tích tụ, tập trung đất đai để phục vụ cho phát triển nông nghiệp đã được phân tích, đánh giá trong dự thảo Báo cáo sơ kết Nghị quyết của Trung ương. Trên cơ sở kết luận chỉ đạo của Trung ương về sơ kết Nghị quyết số 19, ngày 28/12/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có tờ trình số 120/TTr-BTNMT trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai, trong đó đề xuất các phương án sửa đổi các vấn đề cử tri kiến nghị, đề xuất này đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2017.

4. Đề nghị Chính phủ quan tâm, chỉ đạo, đẩy nhanh việc rà soát và thu hồi đất đã cấp cho các nông, lâm trường sử dụng sai mục đích, kém hoặc không hiệu quả trả về cho địa phương nhằm trồng rừng; đồng thời cấp cho các hộ dân thiếu đất ở và đất sản xuất.

Vấn đề cử tri nêu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Tính đến tháng 9/2017, theo số liệu báo cáo của các địa phương, tổng diện tích đất các nông, lâm trường bàn giao về địa phương, trong đó chủ yếu là đất sử dụng sai mục đích, kém hoặc không hiệu quả (bàn giao một phần đất hoặc toàn bộ - giải thể, chuyển thành BQL rừng phòng hộ) để giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý... trong quá trình rà soát, sắp xếp từ năm 2004 đến nay là 1.054.160 ha (bàn giao khi rà soát theo Nghị quyết 28-NQ/TW, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP là 621.565 ha; bàn giao và dự kiến bàn giao khi rà soát theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP là 432.595 ha), phần diện tích đã được các địa phương xử lý như sau:

- Đối với phần đất bàn giao về địa phương khi rà soát theo Nghị quyết 28-NQ/TW, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP (621.565 ha): Theo số liệu tổng hợp từ 11 tỉnh có báo cáo về việc sử dụng quỹ đất này là Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Hòa Bình, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Phú Yên, Gia Lai; tổng diện tích bàn giao về địa phương của 11 tỉnh này là 163.323 ha thì: Diện tích đất đã giao cho Hộ gia đình - cá nhân sử dụng (90.644 ha), chiếm khoảng 55,5 %; diện tích đất đã giao cho tổ chức sử dụng (31.521 ha), chiếm khoảng 19,3 %; diện tích đất địa phương tạm giữ lại chưa giao (chưa xây dựng phương án sử dụng đất - 41.157 ha), chiếm khoảng 25,2 %.

- Đối với phần đất bàn giao (hoặc dự kiến bàn giao) về địa phương khi rà soát theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, tại Khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp quy định trong thời gian các công ty nông, lâm nghiệp lập phương án sử dụng đất, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan lập phương án sử dụng đối với quỹ đất công ty nông, lâm nghiệp dự kiến bàn giao cho địa phương. Ngay sau khi phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện phương án sử dụng quỹ đất bàn giao cho địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Tính đến tháng 9/2017, phần diện tích đất đã được các địa phương lên phương án sử dụng là 275.318 ha (chuyển thành Ban quản lý rừng phòng hộ là 97.234 ha, chủ yếu là diện tích đất chuyển đổi từ 06 công ty lâm nghiệp, chiếm 22,5%; giao cho hộ gia đình cá nhân là 31.306 ha, chiếm khoảng 9,4 %; giao cho tổ chức khác là 28.737 ha, chiếm 6,6%); phần diện tích đất chưa có phương án sử dụng (tạm giữ lại chưa giao) là 275.318 ha, chiếm 63,6 %.

Việc lập phương án sử dụng đối với quỹ đất công ty nông, lâm nghiệp bàn giao cho địa phương còn chậm và gặp nhiều khó khăn, trong đó có khó khăn về nguồn kinh phí thực hiện đo đạc, rà soát đất đai tại thực địa và các địa phương cấp huyện còn né tránh, sợ tránh nhiệm giải quyết các vướng mắc trong quá trình lập và thực thi phương án.

Thực hiện Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng và thực hiện Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng” (Đề án); dự kiến Đề án sẽ thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2021; nhu cầu kinh phí thực hiện khoảng 2,8 nghìn tỷ đồng. Đến nay, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trình Bộ Tài chính thẩm định nguồn kinh phí thực hiện Đề án; sau khi xác định được nguồn vốn, Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án để thực hiện. Mục tiêu thực hiện Đề án có nội dung xây dựng phương án thu hồi đất đã cấp cho các nông, lâm trường sử dụng sai mục đích, kém hoặc không hiệu quả trả về cho địa phương nhằm trồng rừng; đồng thời cấp cho các hộ dân thiếu đất ở và đất sản xuất.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về các vấn đề mà cử tri tỉnh Gia Lai quan tâm. Bộ Tài nguyên và Môi trường xin gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội để trả lời cử tri trong quá trình tiếp xúc cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Lưu VT, PC, PQ. 6.

OK

4

BỘ TRƯỞNG



ỦY BAN DÂN TỘCSố: **259/UBNDT-CSDT**

V/v giải quyết kiến nghị của
cử tri gửi tới sau kỳ họp thứ 4,
Quốc hội khóa XIV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Hà Nội, ngày **22** tháng 3 năm 2018

Số: 360
ĐẾN Ngày: 27/3/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số: Ủy ban Dân tộc

Kính gửi:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ủy ban Dân tộc nhận được văn bản số 25/BDN ngày 05/01/2017 của Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai sau kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV: “*Đề nghị Chính phủ tiếp tục có chương trình hỗ trợ cho các thôn, xã thuộc vùng III (đặc biệt khó khăn) nhằm nâng cao đời sống của người dân và hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực về các khu vực này*”. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

Ủy ban Dân tộc nhất trí với kiến nghị của cử tri. Việc hỗ trợ cho các thôn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân và hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực về các khu vực này luôn được Chính phủ quan tâm thực hiện. Trong giai đoạn 2016-2020, một số chính sách, chương trình hỗ trợ cho các thôn, xã khu vực III được xây dựng và tiếp tục triển khai thực hiện bao gồm: Chương trình 135 - Chương trình phát triển kinh tế, xã hội các xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu (là Dự án 2 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020); Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (trong nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương của Chương trình có ưu tiên hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu). Cụ thể hơn về các chính sách thu hút nguồn nhân lực và vùng đặc biệt khó khăn như: Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ; Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ... Ủy ban Dân tộc xin thông báo để cử tri nắm được thông tin.

Trên đây là ý kiến trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, Ủy ban Dân tộc xin gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai và Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp./.

Nơi nhận: **VT**

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBNDT (để b/cáo);
- Công TTĐT của UBNDT;
- Lưu: VT, CSĐT (3).5

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM****Phạm Văn Hùng**

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1719~~ /BNN-CBTTNS

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

V/v trả lời kiến nghị của
cử tri gửi tới sau kỳ họp thứ 4

Quốc hội khóa XIV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI

Số: 253

ĐẾN Ngày: 07/03/2018

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo công văn số 24/BDN ngày 05 tháng 01 năm 2018, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 10)

Đề nghị ban hành chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến nông sản, nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Hiện nay, lĩnh vực chế biến nông sản của nước ta đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, đã hình thành hệ thống chế biến nông lâm thủy sản với hơn 6.000 doanh nghiệp qui mô công nghiệp và hàng chục nghìn cơ sở chế biến nhỏ, sử dụng khoảng 1,5 triệu công nhân lao động. Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt trên 36,3 tỷ USD.

Tuy vậy, tốc độ phát triển của lĩnh vực chế biến nông lâm thủy sản chưa tương xứng với tiềm năng, mà điển hình nhất là năng lực cạnh tranh chưa cao, chủ yếu là sản phẩm sơ chế, tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu có GTGT thấp và còn gặp các vấn đề về an toàn thực phẩm. Cơ sở chế biến chưa liên kết chặt chẽ với sản xuất nguyên liệu cũng như chưa sử dụng hết lao động khu vực nông thôn.

Hiện nay, để khắc phục điểm yếu của chế biến nông sản cần “ban hành chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến nông sản, nhằm nâng cao thu nhập cho người dân” như cử tri tỉnh Gia Lai kiến nghị, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tích cực chủ trì và tham gia, phối hợp với các Bộ ngành tập trung hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách nhằm khuyến khích đầu tư phát triển hệ thống chế biến nông sản, trong đó trọng tâm là:

- Tập trung rà soát, tổ chức lại các chuỗi sản xuất từ quy hoạch, nuôi trồng, chế biến đến tiêu thụ; rà soát các quy hoạch sản xuất - chế biến nông sản theo tinh thần của Luật Quy hoạch mới được Quốc hội ban hành.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chế biến nông sản.

- Xây dựng trình Chính phủ Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm khắc phục các tồn tại của Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg. Phát triển liên kết sản xuất

giữa doanh nghiệp – người dân như là giải pháp mấu chốt để khắc phục tình trạng sản xuất bị động.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, đồng thời tiếp tục nghiên cứu đề xuất mới những chính sách hỗ trợ phù hợp hơn với thực tiễn trong thời gian tới.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát trình sửa đổi Nghị định 210/2013/NĐ-CP; chú trọng đến việc hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho chế biến nông sản theo hướng chuyển dịch sang phân khúc sản phẩm chế biến sâu, các sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo ATTP, đáp ứng nhu cầu của nhiều thị trường để mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Phối hợp với các Bộ ngành triển khai thực hiện Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ và các cơ chế, chính sách liên quan.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai thực hiện Quỹ Đổi mới Công nghệ quốc gia để hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến bảo quản nông sản.

- Phối hợp với các Bộ ngành xây dựng, ban hành các chính sách cụ thể để triển khai thực hiện Luật số 04/2017/QH14 của Quốc hội: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, có hiệu lực từ 01/01/2018.

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao giá trị gia tăng hàng nông lâm thủy sản trong chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch” (Quyết định số 1003/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014) nhằm nâng cao năng lực chế biến nông sản hướng tới xuất khẩu. Mục tiêu tái cơ cấu lĩnh vực bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản để đến năm 2020, giá trị gia tăng các chuỗi ngành hàng nông lâm thủy sản tăng bình quân 20% so với hiện nay.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam;
- Ban Dân nguyện;
- VPCP (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, CBTNS.



Nguyễn Xuân Cường

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1666 /BNN-KH

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

V/v trả lời kiến nghị của
cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 4,

Quốc hội khóa XIV

TÀI PHONG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số: 251	
ĐẾN Ngày: 04 / 03 / 2018	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo công văn số 24/BDN ngày 05 tháng 01 năm 2018, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 48)

Đề nghị Chính phủ xem xét, bố trí vốn đầu tư xây dựng hồ thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Pơ để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Thời gian vừa qua, biến đổi khí hậu dẫn đến thời tiết ngày càng cực đoan khắc nghiệt, thiên tai thường xuyên xuất hiện đã gây thiệt hại nặng nề, nghiêm trọng đối với sản xuất và đời sống của nhân dân. Nhu cầu đầu tư hạ tầng thủy lợi để ổn định sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân trên cả nước là rất lớn trong khi nguồn vốn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy việc triển khai thực hiện đầu tư các công trình thủy lợi cần phải sắp xếp thứ tự và có lộ trình phù hợp. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng Tây Nguyên giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện đầu tư. Trong đó, địa bàn huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai ưu tiên đầu tư xây dựng mới hồ chứa nước Tàu Dầu 2, nâng cấp sửa chữa hồ Hà Tam; sau đó tiếp tục triển khai một số hồ chứa và cụm công trình thủy lợi nhỏ khác như hồ Làng Ghép, hồ Suối Canh, hồ Xa Wong 1...

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện đầu tư công trình thủy lợi Ia Mor, huyện Chư Prông từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án hồ chứa nước Ia Thul, huyện IaPa, đây là 2 công trình có quy mô lớn, ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngoài ra từ nguồn vốn ODA, các dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên (vốn vay ADB); Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) và Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu cũng đang triển khai đầu tư nhiều công trình thủy lợi, hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

Đối với địa bàn huyện Đắk Pơ, giai đoạn 2017-2020 Chính phủ đã bố trí vốn để thực hiện hồ chứa nước Tàu Dầu 2 (đầu tư trong Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu) và hồ chứa nước Hà Tam (đầu tư trong dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập - WB8). Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để triển khai xây dựng, sớm đưa vào phục vụ sản xuất cho người dân trên địa bàn huyện. Với các công trình hồ chứa thủy lợi nhỏ khác đề nghị Tỉnh rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên cụ thể; chủ động bố trí ngân sách địa phương thực hiện, đồng thời có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét tổng hợp, báo cáo Chính phủ hỗ trợ cho Tỉnh khi có điều kiện về nguồn vốn.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- UBND tỉnh Gia Lai;
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, KH. (15)

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Cường

Số: **1992**/BGTVT-CQLXDHà Nội, ngày **28** tháng **02** năm **2018**V/v: Trả lời kiến nghị của cử tri
tỉnh Gia Lai gửi tới Kỳ họp thứ 4,

Quốc hội khóa XIV.

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số: 234	
ĐẾN Ngày: 05/03/2018	
Chuyển: Bộ	
Lưu hồ sơ số: Ban Dân	

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Bộ Giao thông vận tải nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 13/BDN ngày 05/01/2018, nội dung kiến nghị như sau (câu số 14):

“Cử tri huyện Chư Sê đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Gia Lai sửa chữa hoàn trả các tuyến đường mà trước đây Công ty sử dụng để chuyên chở nguyên vật liệu thi công dự án BOT của Công ty là các tuyến đường này hư hỏng như: đường Võ Thị Sáu; đường liên xã Dun – Ia Pal; đường liên huyện Chư Sê – Đăk Đoa – Pleiku...”

Bộ Giao thông vận tải xin trả lời như sau:

Ngày 13/02/2018, Bộ Giao thông vận tải đã có Văn bản số 1716/BGTVT-CQLXD yêu cầu Công ty Cổ phần BOT&BT Đức Long Gia Lai phối hợp với các cơ quan liên quan của địa phương rà soát tình trạng hư hỏng của mặt đường, xác định cụ thể những hư hỏng do quá trình vận chuyển vật liệu để thi công Dự án mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn Pleiku – cầu 110, tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT gây ra; chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương sửa chữa, hoàn trả các hư hỏng mặt đường thuộc trách nhiệm của Nhà đầu tư theo hiện trạng ban đầu.

Bộ Giao thông vận tải sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh kiểm tra, đôn đốc Nhà đầu tư dự án rà soát, sửa chữa hư hỏng mặt đường thuộc trách nhiệm của Nhà đầu tư đảm bảo an toàn, thuận lợi trong khai thác không làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân địa phương.

Trên đây là trả lời của Bộ Giao thông vận tải đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, CQLXD (3b).

**Lê Đình Thọ**

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **933**/BNV-CCVCHà Nội, ngày **09** tháng **3** năm 2018

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới

Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI

Số: **280****ĐẾN** Ngày: **13/3/2018**

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nội vụ nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Công văn số 817/VPCP-QHĐP ngày 23/01/2018, nội dung kiến nghị như sau:

"Việc điều chuyển công tác một số cán bộ cấp cao bị kỷ luật do Trung ương quản lý thời gian qua chưa hợp tình, hợp lý, chưa tạo được lòng tin trong nhân dân. Đề nghị cần rà soát, kiểm tra đầy đủ hồ sơ, bằng cấp, năng lực trong công tác quy hoạch, điều động cán bộ" (Câu số 01).

Bộ Nội vụ xin trả lời như sau:

Thời gian vừa qua, việc điều chuyển một số cán bộ cấp cao bị kỷ luật do Trung ương quản lý chưa hợp tình, hợp lý, chưa tạo được lòng tin trong nhân dân; bên cạnh đó, cử tri cũng phản ánh tình trạng bổ nhiệm không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn; gian dối trong việc sử dụng bằng cấp Để đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, công bằng; ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, quan hệ dòng họ, thân quen ... Bộ Chính trị đã ban hành các quy định mới về công tác cán bộ, cụ thể: Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 90-QĐ/TW ngày 04/8/2017 về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 98-QĐ/TW ngày 07/10/2017 về luân chuyển cán bộ; Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bí thư Ban Cán sự đảng Chính phủ (tại Công văn số 223/VPCP-TCCV ngày 06/01/2018 và Công văn số 11288/VPCP-TCCV ngày 24/10/2017 của Văn phòng Chính phủ) về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của pháp luật cho phù hợp với các quy định mới của Bộ Chính trị về công tác cán bộ, Bộ Nội vụ đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định của Chính phủ về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và luân chuyển đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ.

Bên cạnh công tác rà soát, hoàn thiện thể chế quy định về công tác quản lý, bổ nhiệm cán bộ thì các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cần thực hiện đúng quy chế, quy định của Đảng và của pháp luật về công tác cán bộ. Việc quy hoạch, điều động, đề bạt, bổ nhiệm hoặc đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phải chấp hành nghiêm quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, số lượng, độ tuổi...; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, đồng thời phát huy dân chủ trong công tác cán bộ; thực hiện đúng nguyên tắc, minh bạch và công khai, công tâm, khách quan trong lựa chọn, giới thiệu nhân sự; góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát bảo đảm thực hiện nghiêm các quy chế, quy định của Đảng và của pháp luật về công tác cán bộ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện của UBTVQH;
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Phòng THTK, Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, CCVC.

BỘ TRƯỞNG



Lê Vĩnh Tân

Số: 51 /TANDTC-PC

V/v trả lời kiến nghị của cử tri

sau kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TÂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số: 296	
ĐẾN Ngày: 15/3/2018	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	Tòa án

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Tòa án nhân dân tối cao đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến tại Công văn số 707/BDN ngày 23-11-2017, nội dung kiến nghị như sau:

“Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho toàn thể các chức danh tư pháp trên toàn hệ thống; kịp thời có các Nghị quyết hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật khi có các Luật mới ban hành (ví dụ: Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực từ ngày 01-7-2016 đến nay chưa có Nghị quyết hướng dẫn)”.

Trước hết, Tòa án nhân dân tối cao trân trọng cảm ơn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đã phản ánh kiến nghị của cử tri đối với hoạt động của Tòa án nhân dân.

Về nội dung kiến nghị, Tòa án nhân dân tối cao xin được trả lời như sau:

- Về tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho toàn thể các chức danh tư pháp

Trong các năm 2016 và 2017, nhiều quy định của pháp luật liên quan tới hoạt động của Tòa án đã được sửa đổi, bổ sung và đi vào thực tiễn (đặc biệt là Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự). Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức các Hội nghị trực tuyến tập huấn chi tiết nội dung các Bộ luật, luật nêu trên, tập huấn về kỹ năng viết bản án cho các đối tượng là Thư ký, Thẩm tra viên, Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp.

Bên cạnh đó, công tác tập huấn, đào tạo nghiệp vụ xét xử cho các cán bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp cũng được chú trọng tăng cường. Trong năm 2017, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức 02 khóa (16 lớp) đào tạo nghiệp vụ xét xử với tổng số 860 học viên, 05 khóa đào tạo nghiệp vụ Thư ký cho tổng số 426 công chức, 03 khóa bồi dưỡng nghiệp vụ giải quyết các vụ án hành chính, dân sự và bồi dưỡng kiến thức về sở nghiệp vụ và biểu mẫu thống kê cho 1.773 lượt Thẩm phán, cán bộ Tòa án nhân dân địa phương, 01 lớp tập huấn nghiệp vụ tài chính - kế toán cho 200 học viên. Dự kiến cuối tháng 3 năm 2018 sẽ tổ chức 01 khóa Đào tạo nghiệp vụ thư lý Tòa án cho toàn quốc theo hình thức trực tuyến. Trong năm 2018, dự kiến hàng Tháng mỗi thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sẽ lựa chọn, đăng ký một chuyên đề chuyên sâu để tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho Thẩm phán trên toàn quốc (theo hình thức trực tuyến).

Qua đó, đông đảo cán bộ, Thẩm phán Tòa án các cấp có điều kiện được tham gia tập huấn với các giảng viên có nhiều kinh nghiệm của Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan Trung ương.

Ngày 25-01-2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ký Quyết định ban hành Danh mục các cuộc họp, hội nghị bắt buộc tổ chức bằng hình thức trực tuyến. Trong Danh mục có các hội nghị tập huấn, hội thảo, tọa đàm, phổ biến, quán triệt và triển khai các văn bản pháp luật; các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ... Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao cũng xây dựng tiêu chí để đánh giá năng lực, trình độ của Thẩm phán trong dự thảo Bộ quy tắc đạo đức Thẩm phán là tham gia đầy đủ, nghiêm chỉnh các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ của Tòa án.

Thông nhất với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trong thời gian tới, Tòa án nhân dân tối cao sẽ tiếp tục làm tốt công tác tập huấn, đào tạo nghiệp vụ xét xử cho cán bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp, nhất là tập huấn về các quy định mới của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự; trong đó đẩy mạnh hình thức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến để tăng số lượng đối tượng được đào tạo, tiết kiệm kinh phí cho Ngân sách nhà nước.

- Về kịp thời ban hành các Nghị quyết hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật khi có các Luật mới ban hành

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định tại các bộ luật, luật tố tụng thì Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều khoản được giao trong luật. Đến nay, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành được 13 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao¹, 08

¹ 13 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật, luật đã ban hành gồm:

- (1) Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15-01-2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/07/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính.
- (2) Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.
- (3) Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 19/10/2015 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.
- (4) Nghị quyết 04/2015/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.
- (5) Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.
- (6) Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính;
- (7) Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26/08/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản.
- (8) Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30-12-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử;
- (9) Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự;
- (10) Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng hành chính;
- (11) Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16-3-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;

Thông tư, Thông tư liên tịch của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các nội dung được giao trong các bộ luật, luật tổ tụng các năm 2015, 2016, 2017².

Để tăng cường công tác bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, Tòa án nhân dân tối cao đang nghiên cứu, xây dựng 04 dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và 02 dự thảo Thông tư của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số vướng mắc về áp dụng pháp luật thông qua việc tổng kết thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân các cấp, dự kiến ban hành trong năm 2018.

Một lần nữa, Tòa án nhân dân tối cao trân trọng cảm ơn sự quan tâm của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai, đồng thời, mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm hơn nữa của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đối với công tác của Tòa án nhân dân.

Trên đây là trả lời của Tòa án nhân dân tối cao đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri.

Nơi nhận: 29

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Lưu VT VP, Vụ PC&QLKH TANDTC.



(12) Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

(13) Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19-9-2017 về việc ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật Tố tụng hình sự.

² 08 Thông tư, Thông tư liên tịch của Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành:

(1) Thông tư số 01/2015/TT-CA ngày 08-10-2015 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về Quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.

(2) Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.

(3) Thông tư số 02/2016/TT-TANDTC ban hành Quy chế thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp.

(4) Thông tư số 03/2016/TT-TANDTC ngày 03-02-2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp

(5) Thông tư số 04/2016/TT-TANDTC ngày 16-9-2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân

(6) Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

(7) Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28-7-2017 của Tòa án nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế tổ chức phiên tòa.

(8) Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28-7-2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án.

Số: 2610/BGTVT-CQLXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2018

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh

Gia Lai gửi tới trước Kỳ họp thứ 4,

Quốc hội khóa XIV.

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số:	338
ĐẾN Ngày:	22 / 3 / 2018
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Bộ Giao thông vận tải nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 13/BDN ngày 05/01/2018, nội dung kiến nghị như sau (câu số 12):

“Đề nghị Bộ Giao thông vận tải quy hoạch lộ giới xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn qua huyện Chư Păh rõ ràng, để người dân ổn định đời sống, xây dựng các công trình kiên cố.”

Bộ Giao thông vận tải xin trả lời như sau:

1. Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tuyến tránh đô thị Pleiku, tỉnh Gia Lai, đã được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 1330/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 về cơ bản tìm tuyến đi trùng tìm tuyến theo quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh tại Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó phân kỳ đầu tư giai đoạn I là đường cấp IV (Bn=9m, Bm=7m) vận tốc thiết kế 60-80Km/h; giai đoạn hoàn chỉnh là đường cao tốc cấp 80-100Km/h (Bn=24,75m, Bm=21m).

2. Việc thực hiện cấm cọc tìm tuyến và xác định hành lang an toàn đường bộ dự kiến của đường Hồ Chí Minh quy hoạch (Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15/2/2012) đã được Bộ GTVT giao Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh triển khai thực hiện tại Văn bản số 11874/BGTVT-KHĐT ngày 22/9/2014. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ GTVT, Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh đã phê duyệt hồ sơ thiết kế cấm cọc tìm tuyến theo quy hoạch chi tiết Đường Hồ Chí Minh đoạn Ngọc Hồi - Chơn Thành (địa phận tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk) tại Quyết định số 4260/QĐ-ĐHCM ngày 10/12/2015, trong đó có quy định về phạm vi hành lang an toàn đường bộ: *“Được xác định sơ bộ với khoảng cách từ tìm quy hoạch ra mỗi bên 50m”*.

3. Để thống nhất phạm vi công bố quy hoạch trên toàn tuyến đường Hồ Chí Minh, Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh đề xuất phương án *“cấm mốc quy hoạch đường Hồ Chí Minh đoạn tuyến tránh đô thị Pleiku, tỉnh Gia Lai là từ tìm tuyến ra mỗi bên 50m và trên cọc mốc ghi rõ mốc quy hoạch đường Hồ Chí Minh”*.

4. Hiện nay Dự án đang được triển khai thi công và dự kiến hoàn thành trong tháng 6/2018, để có cơ sở cấm mốc lộ giới đường bộ cho Dự án nhằm đảm bảo thuận lợi trong công tác quản lý hành lang tuyến khi Dự án giai đoạn phân kỳ hoàn thành, đồng thời giảm thiểu thấp nhất khối lượng đền bù giải tỏa mặt bằng khi nâng cấp tuyến thành quy mô cao tốc hoàn chỉnh trong tương lai. Tuy nhiên, trong giai đoạn phân kỳ chưa xác định được chính xác phạm vi cấm mốc lộ giới đường bộ giai đoạn hoàn chỉnh (do giai đoạn phân kỳ có chôn chước dốc dọc thiết kế, trong giai đoạn hoàn chỉnh phải điều chỉnh lại cao độ thiết kế).

5. Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo các đơn vị chức năng, nghiên cứu, đề xuất giải pháp xử lý phù hợp với tình hình thực tế và tham mưu Bộ Giao thông vận tải giải quyết thống nhất trên toàn Dự án đường Hồ Chí Minh; đồng thời hướng dẫn Sở GTVT Gia Lai triển khai thực hiện theo quy định. Dự kiến hoàn thành trước ngày 10/4/2018.

Trên đây là trả lời của Bộ Giao thông vận tải đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Các vụ: KCHT, KHĐT;
- Sở GTVT Gia Lai;
- Lưu VT, CQLXD (3b).



Nguyễn Ngọc Đông

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **696** /BNV-TLHà Nội, ngày **23** tháng **02** năm 2018V/v trả lời kiến nghị của
cử tri gửi tới sau kỳ họp thứ 4,

Quốc hội khoá XIV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số:	249
ĐẾN Ngày:	07/03/2018
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nội vụ nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới sau kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XIV với nội dung:

“Cử tri phản ánh hiện nay chế độ lương hưu có nhiều bất cập do việc tham gia đóng tiền bảo hiểm xã hội khác nhau từng giai đoạn, cộng với sự trượt giá của đồng tiền làm khoảng cách này chênh lệch xa hơn gây ra sự so bì ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội. Cử tri đề nghị Nhà nước có hướng giải quyết phù hợp. Có cử tri đề nghị chính sách tăng lương nên thực hiện cao bằng, không tính theo phần trăm (%) làm mất đi sự công bằng; xem xét điều chỉnh tăng lương cho cán bộ, công chức”.

Bộ Nội vụ báo cáo và trả lời như sau:

1. Về điều chỉnh tăng lương hưu:

Thực hiện Kết luận số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XI về “Một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020” và theo phân công của Ban Cán sự đảng Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công xây dựng Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, trong đó có nội dung về điều chỉnh lương hưu báo cáo cấp có thẩm quyền trình Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII xem xét, quyết định.

Bộ Nội vụ xin ghi nhận ý kiến của cử tri để trao đổi với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì soạn thảo Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

2. Về điều chỉnh tiền lương đối với cán bộ, công chức:

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 đã quy định: “Điều chỉnh mức lương cơ sở, lương hưu và trợ cấp ưu đãi đối với người có công tăng bình quân khoảng 7%/năm; căn cứ tình hình thực tế, mức

điều chỉnh cụ thể sẽ được Quốc hội xem xét, quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm”.

Khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 đã quy định: “Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.300.000 đồng/tháng lên 1.390.000 đồng/tháng, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng theo quy định (đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm) và trợ cấp ưu đãi người có công tăng bằng mức tăng lương cơ sở, thời điểm thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2018”. Theo đó, Bộ Nội vụ đang xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang để điều chỉnh tăng mức lương cơ sở từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 từ 1.300.000 đồng/tháng lên 1.390.000 đồng/tháng, tăng thêm 6,92%.

Thực hiện Kết luận số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XI về “Một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020” và theo phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp báo cáo cấp có thẩm quyền trình Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ Nội vụ đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện của UBTVQH;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân;
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Phòng THTK, Văn phòng Bộ;
- Lưu VT, VP, Vụ TL.

BỘ TRƯỞNG



Lê Vĩnh Tân

Số: 1960/BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

V/v trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai gửi
tới sau Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV

NHÓM ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số:	233
ĐẾN Ngày:	05/02/2018
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 13/BDN ngày 05/01/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“ Nội dung kiến nghị (Câu số 10 và Câu số 13) ”

- Cử tri huyện Chư Sê đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, chỉ đạo Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh hoàn trả số tiền trước đây huyện đã bỏ ra xây dựng vỉa hè khu trung tâm huyện số tiền 2,3 tỷ đồng, vì khối lượng vỉa hè này nằm trong khối lượng xây dựng vỉa hè của 5 km nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 14 và Quốc lộ 25 đoạn qua trung tâm huyện Chư Sê do Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư.

- Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn giữa hai trạm thu phí BOT trên đoạn từ huyện Mang Yang đến thị xã An Khê.

Bộ GTVT xin trả lời như sau:

1. Về hoàn trả kinh phí xây dựng vỉa hè qua trung tâm huyện Chư Sê

Ngày 20/10/2017, Bộ GTVT đã có Công văn số 11829/BGTVT-KHĐT gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đề nghị tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung danh mục và mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ nguồn dự phòng chung 10% theo Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội, trong đó đã bao gồm kinh phí hoàn trả cho địa phương thuộc dự án nâng cấp, mở rộng đoạn Km565 – Km569 (Quốc lộ 14) và đoạn Km180 – Km181 (Quốc lộ 25) ngã ba thị trấn Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Sau khi được bố trí nguồn vốn, Bộ GTVT sẽ triển khai các thủ tục hoàn trả kinh phí theo quy định.

2. Về nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn giữa hai trạm thu phí BOT trên đoạn từ huyện Mang Yang đến thị xã An Khê

Quốc lộ 19 kết nối từ cảng Quy Nhơn - tỉnh Bình Định đến cửa khẩu Lệ Thanh - tỉnh Gia Lai dài khoảng 248 km. Do vai trò quan trọng của tuyến đường, Bộ GTVT đã huy động nguồn vốn và triển khai trước Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km17 - Km50, tỉnh Bình Định và đoạn Km108 - Km131, tỉnh Gia Lai theo hình thức Hợp đồng BOT, hiện đã hoàn thành và đang tiến hành thu giá tại Trạm thu giá Km49+550 (Bình Định) và Trạm thu giá Km124+720 (Gia Lai).

Đoạn còn lại đã được Bộ GTVT báo cáo và Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (QL19) vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB), hiện đã ký kết Hiệp định khoản vay với Nhà tài trợ. Bộ GTVT và các cơ quan liên quan đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để sớm triển khai dự án với phạm vi dự kiến như sau:

- Đoạn qua tỉnh Bình Định: Nâng cấp đoạn Km51+152 – Km67 với chiều dài khoảng 18,4km.

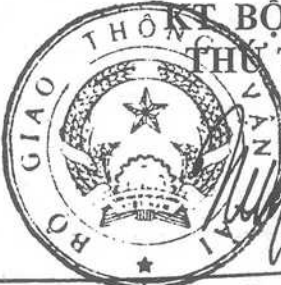
- Đoạn qua tỉnh Gia Lai: Nâng cấp các đoạn Km67 – Km90; Km131+300 - Km167 và Km180 – Km247 với tổng chiều dài khoảng 123,5km. Mở rộng 2 tuyến tránh các khu đô thị lớn là An Khê (10Km) và Pleiku (18km).

Riêng đoạn tuyến từ Km90 – Km108 sẽ được nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, mở rộng bằng kinh phí còn dư của Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (QL19) vay vốn WB (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp vào thời điểm phù hợp.

Trên đây là trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Tổng cục ĐBVN;
- Sở GTVT Gia Lai;
- Lưu VT, KHĐT (3).


**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Đông

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **820**/LĐTBXH-BHXH

Hà Nội, ngày **07** tháng **03** năm **2018**

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
trước kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV

AN PHONG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI

Số: **281** Kính gửi:

ĐẾN Ngày: **13/3/2018**

Chuyển:

Ấn hồ sơ số:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai. ✓

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được kiến nghị của cử tri các tỉnh: Bình Thuận, Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại công văn số 10/BDN ngày 05/01/2018, nội dung kiến nghị như sau:

“Cử tri phản ánh hiện nay chế độ lương hưu có nhiều bất cập do việc tham gia đóng tiền bảo hiểm xã hội khác nhau từng giai đoạn, cộng với sự trượt giá của đồng tiền càng làm khoảng cách này chênh lệch hơn đã gây ra sự so bì ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội. Cử tri đề nghị Nhà nước có hướng giải quyết phù hợp. Có cử tri đề nghị chính sách tăng lương nên thực hiện cao bằng, không tính theo phần trăm (%) làm mất đi sự công bằng”.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin trả lời như sau:

Theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội thì “mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội”, theo đó mức lương hưu hàng tháng của người lao động được tính trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội và mức lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội. Như vậy, mức lương hưu của người lao động cao hay thấp tùy thuộc vào thời gian đóng và mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi còn làm việc.

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, lương hưu được điều chỉnh “trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế phù hợp với ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm xã hội”. Trong những năm vừa qua, việc điều chỉnh lương hưu đã được thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các Nghị quyết của Quốc hội, việc điều chỉnh lương hưu theo tỷ lệ phần trăm đã đảm bảo được giá trị tiền lương hưu của người nghỉ hưu do tác động bởi yếu tố lạm phát.

Tuy nhiên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng thấy rằng, việc điều chỉnh theo tỷ lệ như trên cũng có hạn chế là làm tăng khoảng cách về số tiền tuyệt đối giữa người có mức lương hưu cao với người có mức lương hưu thấp. Tiếp thu ý kiến kiến nghị của cử tri, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang phối hợp

với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, đánh giá và đề xuất phương án điều chỉnh lương hưu phù hợp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trân trọng gửi tới các Đoàn Đại biểu Quốc hội để trả lời cử tri./

Nơi nhận:

- Ban Dân nguyện;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Chủ tịch UBTV MTTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, VP Bộ;
- Thường trực HĐND, UBND thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Gia Lai;
- Sở LĐTBXH: thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, BHH.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung